BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo:	**QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN (REAL ESTATE MANAGEMENT)**
Mã ngành:	**7.85.01.18**
Loại hình đào tạo:	Chính quy tập trung
Thời gian đào tạo:	**4 năm**
Tổng số tín chỉ yêu cầu:	**135 tín chỉ**
Tên văn bằng:	**Cử nhân Quản lý bất động sản**
Nơi cấp bằng:	**Học viện Nông nghiệp Việt Nam**

(Ban hành tại quyết định số 1991/ QĐ – HVN ngày 07 tháng 05 năm 2026 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

1. Triết lí giáo dục, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào:

1.1. Triết lí giáo dục

Triết lý giáo dục của Học viện Nông nghiệp Việt Nam:

RÈN LUYỆN HUN ĐÚC NHÂN TÀI NÔNG NGHIỆP:

RÈN tư duy sáng tạo

LUYỆN kỹ năng thành thạo

HUN tâm hồn thanh cao

ĐÚC ý chí lớn lao

THÀNH NHÂN TÀI NÔNG NGHIỆP

Triết lý giáo dục của khoa Tài nguyên và Môi trường: "***Kiến tạo - Constructivism***". Triết lý này được triển khai theo 2 nguyên tắc dạy và học:

Việc học bắt đầu khi người học có đam mê hướng đến chủ đề học tập.

Người học tự xây dựng kiến thức và kinh nghiệm mới dựa trên kiến thức và kinh nghiệm có sẵn.

1.2. Mục tiêu

Mục tiêu chung:

Mục tiêu của các chương trình đào tạo ngành Quản lý bất động sản trình độ đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe; có kiến thức chuyên môn, vận dụng các nguyên lý khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào giải quyết

những vấn đề thuộc lĩnh vực Quản lý bất động sản. Người học được trang bị nền tảng kiến thức, kỹ năng và năng lực thực hành nghề nghiệp để đảm nhiệm các vị trí việc làm khác nhau trong lĩnh vực Quản lý bất động sản, đồng thời có khả năng thích nghi với môi trường làm việc trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân và bảo vệ tổ quốc.

Mục tiêu cụ thể:

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý bất động sản sẽ:

PO1: Nắm vững kiến thức chuyên môn, vận dụng hiệu quả các nguyên lý khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong việc phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Quản lý bất động sản;

PO2: Thể hiện năng lực sáng tạo và khả năng ứng dụng thiết bị hiện đại, công nghệ số, các nghiệp vụ hành hính để giải quyết các vấn đề thực tiễn ở các vị trí việc làm khác nhau trong lĩnh vực Quản lý bất động sản và các lĩnh vực liên quan;

PO3: Có phẩm chất chính trị vững vàng; có lòng đam mê và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng tự học tự nghiên cứu, năng động, sáng tạo; có tinh thần khởi nghiệp nhằm đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành và sự phát triển bền vững của Việt Nam.

1.3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**
Kiến thức chung	
PLO1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.	PI1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực bất động sản. PI1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực bất động sản. PI1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.
Kiến thức chung nhóm ngành	
PLO2: Áp dụng kiến thức để xây dựng dự án nghiên cứu trong lĩnh vực môi trường và bảo vệ môi trường.	PI2.1. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hệ thống thông tin tài nguyên môi trường và bất động sản. PI2.2. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường và bảo vệ môi trường. PI2.3. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
Kiến thức chuyên môn	

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**
PLO3: Phân tích các hoạt động quản lý và kinh doanh bất động sản để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	PI3.1. Phân tích các hoạt động quản lý bất động sản phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. PI3.2. Phân tích các hoạt động kinh doanh bất động sản phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
PLO4: Đề xuất giải pháp quản lý và kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.	PI4.1. Đề xuất giải pháp quản lý bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường. PI4.2. Đề xuất giải pháp kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.
Kỹ năng chung	
PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quản lý bất động sản.	PI 5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ. PI5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn. PI5.3. Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.
Kỹ năng chuyên môn	
PLO6: Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý bất động sản.	PI6.1. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản. PI6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh bất động sản.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO7: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực bất động sản.	PI7.1. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực bất động sản. PI7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý bất động sản.
PLO8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời, tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	PI8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn. PI8.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

** Ghi chú: Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước:*

+ Bộ Tiêu chuẩn AUN (ASEAN University Network);

+ Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Quản lý bất động sản, trường Đại học Quản lý Bất động sản UCEM, Vương quốc Anh;

Website: https://www.ucem.ac.uk/bsc-real-estate-management/

+ Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Định giá và phát triển Bất động sản, Neapolis University Pafos, Hi Lạp;

Website: https://www.nup.ac.cy/bsc-in-real-estate-valuation-and-development/

+ Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (định giá), Trường Đại học University of the West Indies, Trinidad and Tobago.

Website: https://sta.uwi.edu/eng/geomatics/land-management

2. Cơ hội việc làm và định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- ***Lĩnh vực:***

Bất động sản, quản lý bất động sản và các lĩnh vực liên quan.

- ***Vị trí:***

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý Bất động sản có thể đảm nhận các vị trí như lãnh đạo, giảng viên, cán bộ tư vấn, chuyên viên, nhân viên kinh doanh …

- ***Nơi làm việc:***

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý bất động sản có thể đảm nhận các vị trí như cán bộ tư vấn, chuyên viên, giảng viên tại các đơn vị:

- Các cơ quan nhà nước: Làm việc tại các bộ/sở chuyên ngành như: Bộ/Sở Tài chính; Bộ/Sở Xây dựng, Bộ/Sở Khoa học và Công nghệ; Bộ/Sở Nông nghiệp và Môi trường; Bộ/Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam… Phòng kinh tế/Kinh tế hạ tầng và đô thị các xã/ phường.

- Doanh nghiệp: Làm việc tại ngân hàng, các tổ chức tín dụng; trung tâm định giá đất; sàn giao dịch bất động sản; văn phòng môi giới bất động sản; Các công ty tư vấn về tài nguyên và môi trường; các doanh nghiệp đầu tư và kinh doanh bất động sản.

- Giảng dạy và nghiên cứu: Giảng viên ngành Quản lý đất đai, Bất động sản tại các trường đại học, cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp.

- Tự khởi nghiệp: Sinh viên có thể tự lập khởi nghiệp - thành lập công ty hoặc dự án cá nhân trong lĩnh vực quản lý đất đai, bất động sản, với mô hình kinh doanh như: môi giới, đầu tư, phát triển bất động sản, hoặc dịch vụ liên quan khác.

- ***Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp***

Người học tốt nghiệp Đại học ngành Quản lý đất đai có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước thuộc các ngành và chuyên ngành sau:

- Thạc sĩ/ Tiến sĩ Quản lý đất đai
- Thạc sĩ/ Tiến sĩ Quản lý Tài nguyên và môi trường
- Thạc sĩ/Tiến sĩ Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế

3. Đối tượng và phương thức tuyển sinh:

Đối tượng xét tuyển: Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam.

Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh đại học hằng năm của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

4. Cấu trúc và nội dung chương trình:

4.1. Cấu trúc chương trình

CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (45 TC)

CÁC MÔN BẮT BUỘC

CHÍNH TRỊ (11 TC)

1. Triết học Mac-Lenin (3TC)
2. Kinh tế chính trị Mac-Lenin (2TC)
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)
4. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)
5. Lịch sử Đảng CSVN (2TC)

PHÁP LUẬT (4 TC)

1. Pháp luật đại cương (4TC)

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (4TC)

1. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (4TC)

NGOẠI NGỮ (5TC)

1. Tiếng Anh 1 (2TC)
2. Tiếng Anh 2 (3TC)

CÁC MÔN CHUNG HỌC VIỆN (21TC)

1. Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh (4TC)
2. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng (3TC)
3. Thương mại và hội nhập quốc tế (3TC)
4. Nông nghiệp hiện đại (4TC)
5. Sinh thái và môi trường (4TC)
6. Tổ chức và Quản lý kinh tế (3TC)

CÁC MÔN CHUNG KHỐI NGÀNH (10 TC)

1. Bản đồ học (3TC)
2. Trắc địa (4TC)
3. Xây dựng dự án nghiên cứu tài nguyên môi trường (3TC)

CÁC MÔN BỔ TRỢ

NGOẠI NGỮ

1. Tiếng anh 0 (2TC)
2. Tiếng anh bổ trợ (1)

PHƯƠNG PHÁP - KỸ NĂNG

1. Kỹ năng mềm (6TC)

CÁC MÔN ĐIỀU KIỆN

1. Giáo dục thể chất đại cương (1TC)
2. Giáo dục thể chất chọn môn (2TC)
3. Đường lối quân sự của Đảng (3TC)
4. Công tác quốc phòng an ninh (2TC)
5. Quân sự chung (2)
6. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (4)

TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ (10 TC)

1. Thực tập nghề nghiệp ngành QLBĐS (10TC)

HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP (10 TC)

Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý bất động sản (10TC)

CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ CỐT LÕI NGÀNH (60 TC)

CÁC MÔN BẮT BUỘC (47TC)

1. Quản lý nhà nước về đất đai (4TC)
2. Quy hoạch sử dụng đất (3TC)
3. Hệ thống thông tin địa lý (3TC)
4. Đồ án quy hoạch (3TC)
5. Chính sách quản lý bất động sản (3TC)
6. Định giá bất động sản (3TC)
7. Đàm phán trong kinh doanh BĐS (3TC)
8. Phong thuỷ trong kinh doanh bất động sản (3TC)
9. Thuế bất động sản (3TC)
10. Bản đồ địa chính (4TC)
11. Đăng ký thống kê đất đai (4TC)
12. Hệ thống thông tin đất đai và BĐS (5TC)
13. Quản trị Bất động sản (3TC)
14. Thị trường Bất động ản (3TC)

CÁC MÔN TỰ CHỌN (13TC)

1. Tin học ứng dụng vẽ bản đồ (3TC)
2. Quản lý môi trường (3TC)
3. Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường (4TC)
4. Bản đồ địa hình (3TC)
5. Viễn thám (3TC)
6. Quy hoạch tổng thể (3TC)
7. Tư vấn đầu tư bất động sản (3TC)
8. Giao đất, thu hồi đất (3TC)
9. Quản lý sàn giao dịch bất động sản (3TC)
10. Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT (3TC)

4.2. Nội dung và kế hoạch học tập

Năm thứ 1

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã học phần tiên quyết
1	XH91001	Pháp luật đại cương	4	4	0	BB	
1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	4	4	0	BB	
1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	4	4	0	BB	
1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	3	3	0	BB	
1	TM93160	Hệ thống thông tin địa lý	3	2	1	BB	
1	DN91033	Tiếng Anh bổ trợ	1	1	0	-	
1	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1	0	1	PPIB	
2	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	3	3	0	BB	
2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	4	4	0	BB	
2	TM91012	Sinh thái và môi trường	4	4	0	BB	
2	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	3	3	0	BB	
2	TM92069	Bản đồ học	3	2	1	BB	
2	DN91039	Tiếng Anh 0	2	2	0	PCBB	
2	KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/ KN01006/ KN01008/ KN01009/ KN01010	Kỹ năng mềm (Chọn 1 trong 8 học phần: KN lãnh đạo; KN Quản lý bản thân; KN tìm kiếm việc làm; KN làm việc nhóm; KN hội nhập; KN bán hàng; KN thuyết trình; KN làm việc với các bên liên quan)	2	2	0	PCBB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**35**	**33**	**2**		
Tổng số tín chỉ Giáo dục thể chất, quốc phòng			**1**	**0**	**1**		
Tổng số tín chỉ học phần tin học			**4**	**4**	**0**		
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			**2**	**2**	**0**		

Năm thứ 2

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã học phần tiên quyết	Ghi chú
3	KT91043	Tổ chức và Quản lý kinh tế	3	3	0	BB		
3	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	2	0	BB		
3	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	BB		
3	DN91034	Tiếng Anh 1	2	2	0	BB		
3	QS01011	Đường lối quân sự của đảng	3	3	0	PCBB		
3	QS01012	Công tác Quốc phòng - an ninh	2	2	0	PCBB		
3	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 2 trong 11 học phần: Khiêu vũ thể thao, Bơi, Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Goft, Yoga)	2	0	2	PCBB		**Có thể mở ở HK4**
3/4	TM92068	Trắc địa	4	3	1	BB		**HK 3/4**
3/4	TM93107	Quản lý nhà nước về đất đai	4	3	1	BB		
4	XH91075	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	BB		
4	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	BB		
4	DN91035	Tiếng Anh 2	3	3	0	BB		
4	QS01013	Quân sự chung	2	1	1	PCBB		
4	QS01014	KT chiến đấu bộ binh & CT	4	0	4	PCBB		
4	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 1 trong 11 học phần: Khiêu vũ thể thao, Bơi, Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Goft, Yoga)	1	0	1	PCBB		**Có thể mở ở HK3**

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã học phần tiên quyết	Ghi chú
4/3	TM94129	Quy hoạch sử dụng đất	3	3	0	BB		HK 4/3
4/3	TM94110	Định giá bất động sản	3	2	1	BB		
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**30**	**27**	**3**			
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu: 0 TC)			**0**	**0**	**0**			
Tổng số tín chỉ Giáo dục quốc phòng			**11**	**6**	**5**			
Tổng số tín chỉ Giáo dục thể chất (Chọn 3 trong 11 học phần)			**3**	**0**	**3**			

Năm thứ 3

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã học phần tiên quyết	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
5	TM94130	Đồ án quy hoạch	3	0	3	BB		7
5	TM94119	Chính sách quản lý bất động sản	3	2	1	BB		
5	TM94108	Đàm phán trong kinh doanh BĐS	3	2	1	BB		
5	TM94135	Phong thuỷ trong kinh doanh bất động sản	3	2	1	BB		
5	TM94117	Thuế bất động sản	3	2	1	BB		
5	TM94163	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	3	1	2	TC		
5	TM94131	Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường	4	3	1	TC		
5	TM94112	Giao đất, thu hồi đất	3	2	1	TC		
5	TM94071	Bản đồ địa hình	3	2	1	TC		
5	TM94164	Viễn thám	3	2	1	TC		
5	KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/ KN01006/ KN01008/ KN01009/ KN01010	Kỹ năng mềm (tự chọn 1/8 HP)	2	2	0	PCBB		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã học phần tiên quyết	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
6	TM94070	Bản đồ địa chính	4	2	2	BB		6
6	TM94109	Đăng ký thống kê đất đai	4	2	2	BB		
6	TM94162	Hệ thống thông tin đất đai và BĐS	5	3	2	BB		
6	TM94118	Tư vấn đầu tư bất động sản	3	2	1	TC		
6	TM94055	Quản lý môi trường	3	3	0	TC		
6	TM94132	Quy hoạch tổng thể	3	2	1	TC		
6	TM94113	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	3	2	1	TC		
6	TM94073	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	3	2	1	TC		
6	KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/ KN01006/ KN01008/ KN01009/ KN01010	Kỹ năng mềm (Chọn 1 trong 8 học phần: KN lãnh đạo; KN Quản lý bản thân; KN tìm kiếm việc làm; KN làm việc nhóm; KN hội nhập; KN bán hàng; KN thuyết trình; KN làm việc với các bên liên quan)	2	2	0	PCBB		
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**28**	**15**	**13**			
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu: 13 TC)			**31**	**21**	**10**			
Tổng số tín chỉ Giáo dục thể chất, quốc phòng			**0**	**0**	**0**			
Tổng số tín chỉ học phần tin học			**0**	**0**	**0**			
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			**4**	**4**	**0**			

Năm thứ 4

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã học phần tiên quyết
7	TM92145	Xây dựng dự án nghiên cứu TNMT	3	2	1	BB	
7	TM94114	Quản trị Bất động sản	3	2	1	BB	
7	TM94116	Thị trường Bất động sản	3	2	1	BB	
7	TM94383	Thực tập Nghề nghiệp ngành Quản lý Bất động sản	10	0	10	BB	
8	TM94493	Khóa luận tốt nghiệp ngành QLBĐS	10	0	10	BB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**29**	**6**	**23**		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu: 0TC)			**0**	**0**	**0**		
Tổng số tín chỉ Giáo dục thể chất, quốc phòng			**0**	**0**	**0**		
Tổng số tín chỉ học phần tin học			**0**	**0**	**0**		
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			**0**	**0**	**0**		

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Học kỳ	Năm	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Học phần thuộc khối kiến thức (đại cương, cơ sở ngành hay chuyên ngành)	Môn bắt buộc hay tự chọn	Kiến thức chung			Kiến thức chung cho nhóm ngành			Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn		Tự chủ và trách nhiệm			
								PLO1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.			PLO2: Áp dụng kiến thức để xây dựng dự án nghiên cứu trong lĩnh vực môi trường và bảo vệ môi trường			PLO3: Phân tích các hoạt động quản lý và kinh doanh bất động sản để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.		PLO4: Đề xuất giải pháp quản lý và kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quản lý bất động sản.			PLO6: Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý bất động sản.		PLO7: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám		PLO8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời, tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	
								PI 1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế và môi trường trong lĩnh vực bất động sản.	PI 1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực bất động sản.	PI 1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.	PI2.1. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hệ thống thông tin tài	PI2.2. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường và bảo vệ môi trường.	PI2.3. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên	PI 3.1. Phân tích các hoạt động quản lý bất động sản phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	PI 3.2. Phân tích các hoạt động kinh doanh bất động sản phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	PI 4.1. Đề xuất giải pháp quản lý bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.	PI 4.2. Đề xuất giải pháp kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.	PI 5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.	PI 5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn.	PI 5.3. Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.	PI 6.1. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản.	PI 6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh bất động sản.	Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề	PI 7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý bất động sản.	PI 8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.	PI 8.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.
1	1	1	4	XH91001	Pháp luật đại cương	ĐC	BB		P	I																			
2	1	1	4	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	ĐC	BB	I		P												I	P	I						
3	1	1	4	KE91028	Khởi nghiệp và văn hoá kinh doanh	ĐC	BB		P	P												P	I							
4	1	1	3	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	ĐC	BB		P													P	I							
5	1	1	3	TM93160	Hệ thống thông tin địa lý	CN	BB		P	P	P												I							M
6	2	1	3	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	ĐC	BB																							
7	2	1	4	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	ĐC	BB		P	P													I		I					
8	2	1	4	TM91012	Sinh thái và môi trường	ĐC	BB	I		P												P	I	I						
9	2	1	3	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	ĐC	BB	P		P													I							
10	2	1	3	TM92069	Bản đồ học	CSN	BB		P														I							
11	3	2	3	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	ĐC	BB	P			I			P		I						I								
12	3	2	2	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	ĐC	BB		P	P															I					
13	3	2	2	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐC	BB		P														I							
14	3	2	2	DN91034	Tiếng Anh 1	ĐC	BB		R													I							M	
15	3/4	2	4	TM92068	Trắc địa	CSN	BB	P															I	K						
16	3/4	2	4	TM93107	Quản lý nhà nước về đất đai	CSN	BB				P			P									V		P					
17	4	2	2	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	ĐC	BB					P		P		P									P	P	P			
18	4	2	2	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐC	BB		R													I								
19	4	2	3	DN91035	Tiếng Anh 2	ĐC	BB		R													I								
20	4	2	3	TM94129	Quy hoạch sử dụng đất	CN	BB															P		M						
21	4	2	3	TM94110	Định giá bất động sản	CN	BB				P	P		P		P										P				
22	5	3	3	TM94130	Đồ án quy hoạch	CN	BB				P	P		P		P										P		P		
23	5	3	3	TM94119	Chính sách quản lý bất động sản	CN	BB				P	P		P		P										P		P		
24	5	3	3	TM94108	Đàm phán trong kinh doanh BĐS	CN	BB		R					P		R										P		P		
25	5	3	3	TM94135	Phong thuỷ trong kinh doanh bất động sản	CN	BB	R		P					P		P									P	P			
26	5	3	3	TM94117	Thuế bất động sản	CN	BB								P		P									P	P			
27	5	3	3	TM94163	Tin học ứng dụng về bản đồ	CSN	TC	P	R			P			P		P									P		P		
28	5	3	4	TM94131	Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường	CN	TC	K			P	P		P		K							P			P		P		
29	5	3	3	TM94112	Giao đất, thu hồi đất	CSN	TC		R		R															P				
30	5	3	3	TM94071	Bản đồ địa hình	CSN	TC	P						R								R				R	R			
31	5	3	3	TM94164	Viễn thám	CSN	TC	P			P			P												P				
32	6	3	4	TM94070	Bản đồ địa chính	CN	BB	M			P			P									P			P		P		
33	6	3	4	TM94109	Đăng ký thống kê đất đai	CN	BB		K		K			P									P			P				
34	6	3	5	TM94162	Hệ thống thông tin đất đai và bất động sản	CN	BB			R	R			P		K							R				R				
35	6	3	3	TM94118	Tư vấn đầu tư bất động sản	CSN	TC		R			R																K		
36	6	3	3	TM94055	Quản lý môi trường	CSN	TC	R				R			R		R														
37	6	3	3	TM94132	Quy hoạch tổng thể	CSN	TC		K			K	K			R												R			
38	6	3	3	TM94113	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	CSN	TC			R					R		R														
39	6	3	3	TM94073	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	CSN	TC	R			R			R																M	
40	7	4	3	TM92145	Xây dựng dự án nghiên cứu TNMT	CSN	BB																							
41	7	4	3	TM94114	Quản trị Bất động sản	CN	BB		K																					
42	7	4	3	TM94116	Thị trường Bất động sản	CN	BB		K																					
43	7	4	10	TM94383	**Thực tập Nghề nghiệp ngành Quản lý Bất động sản**	CN	BB			M		M					M	M	M	M										
44	8	4	10	TM94493	**Khoá luận tốt nghiệp ngành QLBĐS**	CN	BB			M		M					M	M	M	M										

6. Tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo

6.1. Các học phần đại cương:

XH91001. Pháp luật đại cương (Introduction to laws). (4TC: 4 – 0 - 140 tiết). ***Nội dung:*** Học phần được chia thành hai nội dung chính: **Phần 1: Kiến thức pháp luật cơ bản,** bao gồm: Một số vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Luật Hình sự; Nội dung cơ bản của Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình; Nội dung cơ bản của Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. **Phần 2: Ứng dụng pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm:** nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên – môi trường; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt và kiểm định thực vật; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực chăn nuôi. ***Tên chương:*** Chương 1: Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật; Chương 2: Nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Chương 3: Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Tố tụng dân sự; Chương 4: Nội dung cơ bản của Luật Hình sự và Tố tụng hình sự; Chương 5: Nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Lao động; Chương 6: Nội dung cơ bản của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Chương 7: Áp dụng pháp luật Tài nguyên – Môi trường; Chương 8: Nội dung cơ bản của Luật Trồng trọt, Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Chương 9: Nội dung cơ bản của Luật Chăn nuôi. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Hướng dẫn bài tập nhóm; Giảng dạy trực tuyến; Giảng dạy qua tình huống. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự nhóm – 10%; Bài tập nhóm – 30%; Thi trắc nghiệm – 60% . ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không.

TH91081. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Information Technology and digital transformation). (4TC: 4 – 0 - 120 tiết). ***Nội dung/ Tên chương***: Học phần này gồm các nội dung: Hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, mạng, dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin điện tử, các công nghệ tiên tiến và ứng dụng. Chuyển đổi số và ứng dụng của chuyển đổi số trong quản lý, trồng trọt, chăn nuôi và tài nguyên môi trường. Phần bài tập rèn kỹ năng làm việc tương tác trực tuyến với bộ công cụ phần mềm Office 365. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, thảo luận, phim tư liệu, kết hợp với phương tiện đa truyền thông. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập 30%, thi 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không.

KE91028. Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh (Entrepreneurship and Business Culture). (4TC: 4 – 0 - 138 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm 02 phần và 10 chương. Phần 1- Kiến thức chung về khởi nghiệp (KN) và văn hóa kinh doanh (VHKD) (7 chương): Giới thiệu chung về khởi nghiệp và VHKD; Ý tưởng KN; Mô hình kinh doanh

trong KN; Gọi vốn KN; Văn hóa kinh doanh; Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; Văn hóa doanh nghiệp. Phần 2- KN trong nông nghiệp (3 chương): Mô hình KN nông nghiệp trong nông nghiệp; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ sinh học; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Dạy học dựa vào tình huống (case study); Hướng dẫn thảo luận; Hướng dẫn bài tập. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp – 10%; Bài tập nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần -60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không***;***

DN91027. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng (Psychology and Public Communication). (3TC: 3 – 0 - 105 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm: Giới thiệu về tâm lý con người, Hoạt động nhận thức, Xúc cảm, động cơ và rối nhiễu tâm lý, Nhân cách; Khái quát về giao tiếp của con người; Các kỹ năng giao tiếp trước công chúng; Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong tuyển dụng; Những vấn đề cơ bản khi diễn thuyết trước công chúng, Chuẩn bị bài diễn thuyết, Ứng dụng diễn thuyết cho các hoạt động nghề nghiệp. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện truyền thông đa phương tiện (Zoom, MS Teams...). ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận nhóm – 30%; Thi trắc nghiệm – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không**;**

KE91063. Thương mại và hội nhập quốc tế (International Trade and Integration). (3TC: 3 – 0 - 102 tiết). ***Nội dung và Tên chương:*** Hội nhập quốc tế; Thương mại quốc tế trong thời kỳ hội nhập; Hệ thống thương mại quốc tế; Hoạch định và cơ cấu tổ chức kinh doanh quốc tế; Thâm nhập thị trường quốc tế; Tài chính trong thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất nông sản cho thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất thực phẩm cho thương mại và hội nhập quốc tế**.** ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Thảo luận nhóm. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp – 10%; Bài tập nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không.

NH91046. Nông nghiệp hiện đại (Modern agriculture). (4TC: 4 – 0 - 140 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm 6 chương: (1) Giới thiệu về nông nghiệp hiện đại; (2) Công nghệ sinh học trong nông nghiệp hiện đại; (3) Cơ giới hoá và tự động hoá trong nông nghiệp hiện đại; (4) Mô hình sản xuất cây trồng hiện đại; (5) Mô hình chăn nuôi hiện đại; (6) Mô hình thủy sản hiện đại. ***Phương pháp giảng dạy:*** Phương pháp thuyết giảng; Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy; Đặt câu hỏi động não; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông.

Phương pháp đánh giá: Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không.

TM91012. Sinh thái và môi trường (Ecology and Environment). (4TC: 4 – 0 - 140 tiết). ***Nội dung:*** Học phần này gồm 3 khối kiến thức (1) Sinh thái học: Khái niệm về sinh thái học; Sinh thái học cá thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái; Các hệ sinh thái chính; (2) Khoa học môi trường: Khái niệm về môi trường và tài nguyên; Môi trường và phát triển bền vững; Tài nguyên và môi trường nước, đất, không khí, rừng và sinh vật; (3) Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong sản xuất nông nghiệp. ***Tên chương:*** Chương 1: Giới thiệu chung về sinh thái học; Chương 2: Sinh thái học quần thể; Chương 3: Sinh thái học quần xã; Chương 4: Hệ sinh thái; Chương 5: Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững; Chương 6: Tài nguyên môi trường nước và đất; Chương 7: Tài nguyên môi trường không khí, rừng và sinh vật; Chương 8: Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong trồng trọt; Chương 9: Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thuỷ sản .***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Diễn giảng có kết hợp với minh họa; Thảo luận với câu hỏi mở; Nêu vấn đề (problem-solving); Hướng dẫn làm tiểu luận nhóm; Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu; Dạy học trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Tiểu luận nhóm – 30%; Thi trắc nghiệm – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không***;***

XH91047. Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism). (3TC: 3 – 0 - 105 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần gồm 3 chương: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề; Giảng dạy Online trên phần mềm LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp và tham gia các hoạt động học tập, trao đổi trên lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không.

KT91043. Tổ chức và quản lý kinh tế (Economic organization and management). (3TC: 3 – 0 - 100 tiết). ***Nội dung:*** Kiến thức và tư duy về kinh tế thị trường; Ra quyết định trong kinh tế; Công tác kế hoạch; Tổ chức nguồn lực cho hoạt động kinh tế; Quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế; Marketing và xúc tiến thương mại; Giám sát, đánh giá và cải thiện đầu tư. ***Tên chương: .Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Tổ chức học tập theo nhóm; Tổ chức học tập trực tuyến. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp - 10***%;*** Thảo luận nhóm – 30%; Thi cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không.

XH91061. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economy of Marxism And Leninism). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể; Giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết trình; Đàm thoại gợi mở; Phát vấn. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp và tham gia các hoạt động học tập, trao đổi trên lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không.

XH91062. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm 07 chương: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. ***Phương pháp giảng dạy*** Thuyết trình; Đàm thoại gợi mở; Phát vấn. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp và tham gia các hoạt động học tập, trao đổi trên lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không.

DN91034. Tiếng Anh 1 (English 1). (2TC: 2 – 0 - 70 hours). ***Brief description of the course***: This course consists of 4 units at pre-intermediate level about the four topics including The past (Unit 1), Out and about (Unit 2), Work (Unit 3), Travellers (Unit 4). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different activities. ***Teaching methods:*** Lecturing method; Group-based learning; Role-play teaching; Teaching with multi-media; Online teaching. **Assessment methods*:*** Attendance – 10%; Midterm assessment – 30%; Final examination – 60%

XH91075. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính chính quyền (1930-1945). Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-đến nay). Kết luận về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng kết hợp với nêu vấn

đề; Hướng dẫn thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm; Hướng dẫn tự học; Xem phim tư liệu. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không.

XH91076. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). ***Nội dung:*** tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Học phần bao gồm 6 chương gồm nhiều nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về: cách mạng, nhà nước, Đảng, đại đoàn kết, văn hoá, giáo dục... . ***Tên chương: .Phương pháp giảng dạy:*** Phương pháp thuyết giảng; nêu tình huống; thăm quan thực tế, làm việc nhóm; truyền thông đa phương tiện. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không**;**

DN91035. Tiếng Anh 2 (English 2). (3TC: 3 – 0 - 105 hours). ***Brief description of the course:*:*** This course consists of 4 units at level B1- about the topics including People (Unit 1), Tale Tellers (Unit 2), Questions (Unit 3), Winners (Unit 4). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different sections: Grammar/Function; Vocabulary; Pronunciation; Speaking; Reading; Listening/video; Writing. ***Teaching methods:*** Interactive lecturing; Task-based language teaching; Communicative language teaching; Pair and group work; Role-play and simulation; Discussion and feedback. ***Assessment methods:*** Attendance & Participation – 10%; Online Assignment – 6%; Midterm Speaking Test – 24%; Final Written Exam – 60%

6.2. Các học phần cơ sở ngành:

TM92069. Bản đồ học (Cartography). (3TC: 2 – 1 - 87 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Khái niệm cơ bản về bản đồ học; Cơ sở toán học về phép chiếu bản đồ; Nội dung và nguyên tắc trình bày bản đồ; Sơ đồ tổ chức thành lập bản đồ; Thiết kế ký hiệu ngôn ngữ trên bản đồ; Biên tập nội dung bản đồ; Sử dụng bản đồ và đánh giá chất lượng bản đồ; Ứng dụng công nghệ số trong thành lập bản đồ hiện nay ***.Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết trình; Tổ chức thảo luận; Hướng dẫn làm việc nhóm; Thực hành trong phòng; Dạy học qua hệ thống VNUA – LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 15%; Thi giữa kỳ - 15%; Thi cuối kỳ - 60% . ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không.

TM92068. Trắc địa (Geodesy). (4TC: 3 – 1 - 122 tiết). ***Nội dung:*** Học phần này gồm: Những kiến thức chung về trắc địa: Các đơn vị dùng trong trắc địa; Các mặt đặc trưng cho hình dạng Trái đất; Khái niệm về độ cao, chênh cao, bình đồ, bản đồ; Các hệ thống toạ độ; Bài toán xác định toạ độ vuông góc phẳng. Các địa lượng đo cơ bản và thiết bị đo: Đo

góc, đo khoảng cách, đo chênh cao. Các thiết bị sử dụng để đo góc, đo khoảng cách, đo cao. Đo vẽ bản đồ: Khái quát về đo vẽ bản đồ; Lưới khống chế đo vẽ; Đo vẽ bản đồ bằng phương pháp toàn đạc. Bản đồ thành lập bằng công nghệ số. Lý thuyết sai số: Khái niệm sai số. Sai số của hàm các đại lượng đo. Các tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác các kết quả đo trực tiếp. Xử lý các kết quả đo cùng độ chính xác và không cùng độ chính xác của cùng một đại lượng. Nguyên tắc ảnh hưởng bằng nhau. Lưới khống chế trắc địa: Khái niệm lưới khống chế trắc địa. Lưới tam giác giải tích. Bình sai điều kiện lưới tam giác giải tích. ***Tên chương:*** Chương 1. Những kiến thức chung về trắc địa; Chương 2. Các đại lượng đo cơ bản và thiết bị đo; Chương 3. Lý thuyết sai số đo; Chương 4: Đo vẽ bản đồ; Chương 5. Lưới khống chế trắc địa. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết trình; Hướng dẫn làm việc nhóm; Dạy thực hành tại thực địa và trong phòng máy tính; Dạy học trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 20%; Thi giữa kỳ - 10%; Thi cuối kuf – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM93107. Quản lý nhà nước về đất đai (Land Administration). (4TC: 3 – 1 - 120 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần gồm 5 chương với nội dung về: Cơ sở của quản lý nhà nước về đất đai; Cơ quan quản lý đất đai Việt Nam; Nội dung quản lý nhà nước về đất đai; Người sử dụng đất; Quản lý sử dụng các loại đất. ***Tên chương: .Phương pháp giảng dạy:*** Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông; Nghiên cứu tình huống' Dạy học theo dự án; Tham quan thực tế; Đóng vai. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 30%; Đánh giá cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Pháp luật đại cương (XH91001)***; Học phần song hành:*** Không

TM94163. Tin học ứng dụng vẽ bản đồ (Applied Informatics in Mapping). (3TC: 1 – 2 - 72 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm 4 chương với nội dung về: Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ; Mô hình dữ liệu bản đồ; Chuẩn hoá dữ liệu bản đồ; Hệ thống phần mềm chuẩn lập bản đồ. Học phần gồm 12 bài thực hành với nội dung về: Các lệnh vẽ cơ bản của MicroStation; Các lệnh biên tập bản đồ của MicroStation; Thành lập Bản đồ địa chính; Biên tập Bản đồ địa chính; Số hóa bản đồ chuyên đề; Biên tập bản đồ chuyên đề. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, tổ chức học tập theo nhóm; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp – 10%; Bài thi giữa kỳ - 24%; Thực hành – 6%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94112. Giao đất, thu hồi đất (Land allocation and expropriation). (3TC: 2 – 1 - 87 tiết). ***Nội dung/Tên chương:*** Học phần này gồm các nội dung chính như: Cơ sở lý

luận và kinh nghiệm quốc tế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất.; Giao đất, cho thuê đất; Chuyển mục đích sử dụng đất; Thu hồi đất; Tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, thuê mặt nước. ***.Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, tổ chức học tập theo nhóm; Giảng dạy trực tuyến trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Bài tập, thảo luận – 10%; Thực hành – 20%; Đánh giá cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94071. Bản đồ địa hình (Topographical Map). (3TC: 2 – 1 - 87 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm những nội dung sau: Đại cương chung về bản đồ địa hình; Nội dung của bản đồ địa hình; Tiếp biên, phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa hình; Xử lý số liệu chênh cao và đường đồng mức trên bản đồ địa hình; Tổng quát hóa bản đồ địa hình; Công tác hiện chỉnh bản địa hình; Sử dụng bản đồ địa hình trong thực tiễn; Một số phần mềm ứng dụng trong thành lập bản đồ địa hình hiện nay. *Các bài thực hành:* Bài 1: Thiết kế đường đồng mức trên bản đồ địa hình; Bài 2: Thiết kế mặt cắt địa hình; Bài 3: Thiết kế hệ thống ký hiệu bản đồ địa hình; Bài 4: Xác định độ dốc trên bản đồ địa hình; Bài 5: Xác định độ cao trên bản đồ địa hình. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết trình; Tổ chức thảo luận; Hướng dẫn làm việc nhóm; Thực hành trong phòng; Dạy học trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 30%; Thi cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94164. Viễn thám (Remote sensing). (3TC: 2 – 1 - 87 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm 5 chương với nội dung về: Khái niệm cơ bản về viễn thám; Lý thuyết phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên; Giải đoán ảnh viễn thám; Giải đoán ảnh viễn thám trên nền tảng Google Earth Engine (GEE); Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường. Học phần gồm 6 bài thực hành với nội dung về: Làm quen với phần mềm, cắt ảnh; Hiệu chỉnh ảnh; Phân loại ảnh/giải đoán ảnh lập bản đồ phục vụ công tác quản lý đất đai; Bắt đầu với nền tảng GEE, tạo và chạy tập lệnh đầu tiên; Phân loại ảnh/giải đoán ảnh và đánh giá độ chính xác ảnh phân loại/ảnh giải đoán trên nền tảng GEE; Phát hiện biến động trên nền tảng GEE. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng lớp; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, tổ chức học tập theo nhóm; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận – 10%; Thực hành – 20%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94118. Tư vấn đầu tư bất động sản (Real Estate Investment Consulting). (3TC: 2 – 1 - 85 tiết). ***Nội dung:*** Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đầu tư bất động sản và tư vấn đầu tư bất động sản; kinh nghiệm tư vấn đầu tư bất động sản tại một số nước trên thế giới; quy định pháp luật và thực trạng hoạt động tư vấn đầu tư bất động sản tại Việt Nam. Học phần cũng trang bị cho sinh viên quy trình, nguyên tắc, nghiệp vụ và kỹ năng tư vấn đầu tư bất động sản, bao gồm thu thập và phân tích thông tin đất đai, pháp lý, quy hoạch, thị trường; tư vấn phương án đầu tư, tài chính, giá bất động sản, hợp đồng kinh doanh bất động sản và xử lý các tình huống thực tiễn trong hoạt động tư vấn đầu tư bất động sản. ***Tên chương:*** Chương 1: Khái quát về tư vấn đầu tư bất động sản; Chương 2: Tư vấn đầu tư bất động sản trên thế giới và Việt Nam; Chương 3: Nghiệp vụ và kỹ năng tư vấn đầu tư bất động sản. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng tích hợp, nêu vấn đề và minh họa bằng tình huống thực tiễn; Nghiên cứu tình huống và giải quyết vấn đề trong tư vấn đầu tư bất động sản; Tổ chức thảo luận nhóm, thuyết trình, phản biện và bảo vệ quan điểm chuyên môn; Dạy học theo dự án/bài tập tình huống; hướng dẫn thực hành hồ sơ, hợp đồng và quy trình tư vấn; Kết hợp phương tiện đa truyền thông, VNUA-LMS, Microsoft Teams và tham quan/thực tế khi phù hợp. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 30%; Đánh giá cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94055. Quản lý môi trường (Environmental management). (3TC: 3 – 0 - 102 tiết). ***Nội dung:*** Học phần này gồm các kiến thức chung về quản lý môi trường theo hướng phát triển bền vững; phân tích các công cụ pháp lý, kinh tế và kỹ thuật trong quản lý môi trường; Xây dựng hồ sơ quản lý môi trường cho các vấn đề môi trường nông thôn, đô thị, khu công nghiệp và làng nghề. Môn học giúp người học hoàn thiện các kiến thức, kỹ năng và năng lực về quản lý môi trường và vận dụng cho nhiều vị trí nghề nghiệp khác nhau. ***Tên chương:*** Chương 1: Những vấn đề cơ bản của quản lý môi trường; Chương 2: Cơ sở của quản lý môi trường; Chương 3: Các công cụ trong quản lý môi trường; Chương 4: Quản lý hành chính nhà nước về môi trường; Chương 5: Quản lý môi trường tại nông thôn, làng nghề, đô thị và khu công nghiệp; Chương 6: Quản lý môi trường hướng tới phát triển bền vững. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng kết hợp nêu vấn đề, minh hoạ/biểu diễn; Thảo luận theo nhóm; Dạy học trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Thời gian tham dự lớp và thái độ tham dự; Tiểu luận và bài thuyết trình; Thi kết thúc học phần. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94132. Quy hoạch tổng thể (Master Planning). (3TC: 2 – 1 - 85 tiết). ***Nội dung:*** Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề quy hoạch tổng thể ở Việt Nam; Cơ sở

lý luận quy hoạch tổng thể; Nội dung quy hoạch tổng thể; Giới thiệu quy trình quy hoạch tổng thể đã áp dụng trên thế giới và ở Việt Nam; Bài thực hành xây dựng các nội dung quy hoạch tổng thể. ***Tên chương:*** Chương 1: Bài mở đầu; Chương 2: Cơ sở lý luận quy hoạch tổng thể; Chương 3: Nội dung quy hoạch tổng thể; Chương 4: Giới thiệu quy trình quy hoạch tổng thể đã áp dụng trên thế giới và ở Việt Nam; Phần thực hành: Xây dựng phương án Quy hoạch tổng thể. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng trên lớp; Dạy học dựa trên vấn đề; Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành; Giải quyết tình huống; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến; Dạy trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 10%; Thực hành – 20%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94113. Quản lý sàn giao dịch bất động sản (Real Estate Trade Center Management)**. (3TC: 2 – 1 - 85 tiết).** ***Nội dung:*** Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh doanh bất động sản, giá bất động sản, chính sách pháp luật kinh doanh bất động sản, thông tin và marketing bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý sàn giao dịch bất động sản. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, ủy quyền giao dịch bất động sản; lập và xử lý hồ sơ giao dịch; phân tích thực trạng, cơ hội, thách thức và đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý sàn giao dịch bất động sản ở Việt Nam. ***Tên chương:*** Chương 1. Cơ sở lý luận về quản lý sàn giao dịch bất động sản; Chương 2. Môi giới bất động sản; Chương 3. Tư vấn, ủy quyền giao dịch bất động sản; Chương 4. Hoàn thiện hệ thống quản lý sàn giao dịch bất động sản Việt Nam. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng trên lớp kết hợp nêu vấn đề và phân tích tình huống; Sử dụng phim tư liệu, ví dụ thực tiễn và tài liệu pháp lý trong giảng dạy; Tổ chức thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm và phản biện trên lớp; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành lập hồ sơ, xử lý tình huống môi giới, tư vấn và uỷ quyền giao dịch bất động sản; Giảng dạy trực tuyến/kết hợp trực tuyến thông qua hệ thống VNUA-LMS, Microsoft Teams hoặc công cụ tương đương khi cần thiết. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 30%; Thi cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94073. Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT (Applications of drones in environmental resource management). (3TC: 2 – 1 - 87 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Khái niệm, phân loại UAV và các thiết bị hỗ trợ dẫn đường và đạo hàng; lập thiết kế bay chụp UAV. Xử lý số liệu ảnh chụp UAV: xây dựng khối ảnh, xây dựng mô hình số DSM, DEM. Xây dựng quy trình công nghệ sử dụng ảnh UAV phục vụ

quản lý TNMT. **Các bài thực hành:** Bài 1: Tìm hiểu đặc tính kỹ thuật của một loại máy bay không người lái; Bài 2. Lập thiết kế bay chụp cho 1 loại máy bay không người lái; Bài 3: Tìm hiểu 1 công đoạn cụ thể của bài toán xử lý số liệu ảnh chụp UAV; Bài 4: Thực nghiệm xây dựng quy trình công nghệ ứng dụng ảnh UAV thành lập bản đồ. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Giải quyết vấn đề; Tổ chức thảo luận; Thực hành trong phòng và ngoài trời; Dạy học trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 20%; Thi giữa kỳ - 10%; Thi cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không.

TM92145. Xây dựng dự án nghiên cứu TNMT (Establishing natural resources and environmental research project). (3TC: 2 – 1 - 90 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm các kiến thức về: nghiên cứu khoa học và dự án nghiên cứu, xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng dự án nghiên cứu tài nguyên môi trường, điều tra khảo sát phục vụ xây dựng dự án nghiên cứu tài nguyên môi trường, trình tự thực hiện dự án nghiên cứu tài nguyên môi trường. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng tích hợp đa phương tiện (VNUA LMS); Dạy học giải quyết vấn đề (Problem solving); Dạy học qua thực hành xây dựng dự án. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp – 10%; Thực hành – 30%; Thi kết thúc học phần -60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không.

6.3. Các học phần chuyên sâu:

TM93160. Hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System). (3TC: 2 – 1 - 87 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần gồm các nội dung: Giới thiệu chung về Hệ thống thông tin địa lý (GIS); Cấu trúc dữ liệu trong GIS; Mô hình số hóa độ cao (DEM): Phương pháp biểu thị DEM, phương pháp xây dựng DEM; Phân tích dữ liệu trong GIS: chức năng tạo vùng đệm, chức năng chồng xếp bản đồ, chức năng nội suy không gian, chức năng tìm kiếm, chức năng phân tích mạng lưới. Các bài thực hành: Bài 1: Giới thiệu phần mềm ArcGIS; Bài 2: Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS, Bài 3: Truy vấn dữ liệu; Bài 4: Làm việc với DEM; Bài 5: Phân tích không gian trong GIS (Tạo vùng đệm); Bài 6: Phân tích không gian trong GIS (Chồng xếp; Nội suy). ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết trình; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Tổ chức thảo luận; Thực hành trong phòng máy tính; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Dạy học trên hệ thống VNUA_LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Đánh giá giữa ký – 30%; Đánh giá cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94129. Quy hoạch sử dụng đất (Land Use Planning). (3TC: 3 – 0 - 100 tiết). ***Nội dung:*** Vai trò của đất trong sự phát triển kinh tế, xã hội; Bản chất của quy hoạch sử dụng đất; Đặc điểm quy hoạch sử dụng đất trên thế giới và Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu trong quy hoạch sử dụng đất. Nội dung đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội; Đánh giá tiềm năng và định hướng sử dụng đất đai; Nội dung lập phương án quy hoạch sử dụng đất. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm và 5 năm. Quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. ***Tên chương:*** Chương 1. Cơ sở lý luận quy hoạch sử dụng đất; Chương 2. Phương pháp nghiên cứu trong quy hoạch sử dụng đất; Chương 3. Lập quy hoạch sử dụng đất; Chương 4. Lập kế hoạch sử dụng đất; Chương 5. Quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng (trên lớp / trực tuyến; Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông; Giảng dạy thông qua làm bài tập tiểu luận. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Đánh giá thường xuyên – 30%; Đánh giá cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94110. Định giá bất động sản (*Real estate valuation*). (3TC: 2 – 1 - 87 tiết). ***Nội dung:*** Học phần này gồm các nội dung: Đặc điểm kinh tế của bất động sản trong định giá; Cơ sở khoa học xác định giá bất động sản; Phương pháp định giá bất động sản; Thực tiễn định giá bất động sản ở Việt Nam. ***Tên chương:*** Chương 1: Cơ sở kinh tế của bất động sản trong định giá; Chương 2: Cơ sở khoa học xác định giá bất động sản; Chương 3: Phương pháp định giá bất động sản; Chương 4: Thực tiễn định giá bất động sản ở Việt Nam. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy trực tuyến; Tổ chức thảo luận, thuyết trình theo nhóm; Giảng dạy thông qua thực hành. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94130. Đồ án quy hoạch (Planning Project). (3TC: 0 – 3 - 55 tiết). ***Nội dung:*** Học phần này gồm: Điều tra, thu thập số liệu, tài liệu; Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội; Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất; Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Xây dựng phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và nhu cầu sử dụng đất; Xây dựng phương án quy hoạch; Đánh giá hiệu quả của phương án quy hoạch; Xây dựng kế hoạch sử dụng đất; Xây dựng hệ thống biểu quy hoạch, kế hoạch; Thiết kế các bản vẽ quy hoạch chi tiết; Xây dựng các bản đồ chuyên đề và bản đồ quy hoạch sử dụng đất. ***Tên chương:*** bài 1: giới thiệu về đồ án; bài 2: xác định sự cần thiết, mục đích, căn cứ pháp lý và cơ sở xây dựng đồ án; bài 3: điều tra, thu thập số liệu, tài liệu; bài 4: phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội; bài 5: phân tích, đánh giá tình hình quản

lý, sử dụng đất; bài 6. tổng hợp số liệu hiện trạng sử dụng đất; bài 7: xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất; bài 8. đánh giá tiềm năng đất đai và xây dựng định hướng sử dụng đất; bài 9: xây dựng phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và nhu cầu sử dụng đất; bài 10: xây dựng phương án quy hoạch đất phi nông nghiệp; bài 11: xây dựng phương án quy hoạch đất nông nghiệp; bài 12: đánh giá hiệu quả của phương án quy hoạch; bài 13: xây dựng kế hoạch sử dụng đất; bài 14: xây dựng hệ thống biểu quy hoạch, kế hoạch; bài 15: thiết kế các bản vẽ quy hoạch chi tiết; bài 16: xây dựng các bản đồ chuyên đề và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; hoàn thiện đồ án. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Tổ chức học tập theo nhóm; Dạy học thông qua làm đồ án; Giảng dạy thông qua thảo luận. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Đánh giá thường xuyên - 30%; Đánh giá cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** TM94129 - Quy hoạch sử dụng đất***; Học phần song hành:*** Không

TM94119. Chính sách quản lý bất động sản (Real estate governance). (3TC: 2 – 1 - 87 tiết). ***Nội dung:*** Học phần này gồm khái quát về chính sách quản lý bất động sản; chính sách phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại; phát triển hạ tầng và quỹ đất. Các bài thực hành: Bài 1. Phân tích chính sách phát triển nhà ở xã hội; Bài 2. Phân tích chính sách phát triển hạ tầng kỹ thuật; Bài 3. Phân tích chính sách phát triển quỹ đất. ***Tên chương:*** Chương 1: Khái quát chính sách quản lý bất động sản; Chương 2: Chính sách phát triển nhà ở xã hội, nhà ở thương mại tại Việt Nam; Chương 3: Chính sách phát triển hạ tầng kỹ thuật, xã hội; Chương 4 Chính sách phát triển quỹ đất. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức thảo luận; Hướng dẫn làm việc nhóm; Dạy trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 30%; Thi cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94108. Đàm phán trong kinh doanh bất động sản (Real Estate Business Negotiation). (3TC: 2 – 1 - 87 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm: Cơ sở lý luận đàm phán trong kinh doanh bất động sản; quy trình và kỹ thuật đàm phán kinh doanh bất động sản; phiên đàm phán kinh doanh bất động sản; đàm phán chuyên sâu theo các loại hình giao dịch bất động sản; thực hành đàm phán mua bán nhà ở thương mại có sẵn tại khu đô thị; đàm phán mua bán nhà ở thương mại hình thành trong tương lai tại khu đô thị; đàm phán mua quyền sử dụng đất diện tích lớn để xây dựng nhà ở thương mại tại thành phố; đàm phán môi giới mua bán nhà ở thương mại đã hoàn thiện tại tỉnh; đàm phán mua quyền sử dụng đất và xử lý các điều khoản về giá, tài chính để xây dựng nhà ở.***.Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức thảo luận; Hướng dẫn làm việc nhóm; Dạy trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực

hành – 30%; Thi cuối kỳ - 60%; ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94135. Phong thủy trong kinh doanh bất động sản (Feng-shui in Real estate business). (3TC: 2 – 1 - 87 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Các nội dung chính gồm: (i) Tổng quan về phong thủy (Khái niệm và cơ sở lý luận của Phong thủy; các nguyên tắc của phong thuỷ hiện đại); (ii) Phong thủy trong kinh doanh bất động sản (Quan điểm, khí vận của nhà, đất và đường; nguyên tắc phong thủy nhà ở và công trình xây dựng; môi trường xung quanh và chiến lược tiếp thị phong thủy); (iii) thực hành ứng dụng phong thủy trong kinh doanh bất động sản (Phân tích vai trò của phong thủy trong kinh doanh bất động sản; Đánh giá phong thủy một bất động sản cụ thể). **Các bài thực hành**: Bài 1: Phân tích vai trò của phong thủy trong kinh doanh bất động sản. Bài 2: Đánh giá/phân tích phong thủy một bất động sản cụ thể. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Nghiên cứu tình huống và giải quyết vấn đề; Tổ chức thảo luận; Hướng dẫn làm việc nhóm; Thực hành trong phòng; Dạy học trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 20%; Thuyết trình theo nhóm – 10%; Thi cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94117. Thuế bất động sản (Real Estate Tax). (3TC: 2 – 1 - 87 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm các nội dung: Khái quát về thuế và hệ thống thuế; Thuế bất động sản tại một số nước trên thế giới; Thuế bất động sản ở Việt Nam bao gồm thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp; Một số loại phí và lệ phí có liên quan tới bất động sản. ***Tên chương: .Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy trực tuyến; Tổ chức thảo luận, thuyết trình theo nhóm; Giảng dạy thông qua thực hành. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94131. Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường (Urban, rural and landcape environmental planning). (4TC: 3 – 1 - 120 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Những vấn đề chung về cơ cấu dân cư đô thị/nông thôn; Đô thị và quy hoạch đô thị (khái niệm, phân loại, lịch sử phát triển, đô thị hóa, quy hoạch cải tạo và phát triển không gian đô thị); Quy hoạch nông thôn (khái niệm, nguyên tắc, nội dung phương pháp quy hoạch phát triển nông thôn, quy hoạch xây dựng nông thôn mới); quy hoạch cảnh quan môi trường (khái niệm, các loại hình cảnh quan, quy hoạch cảnh quan các khu chức năng; Khái niệm, phương pháp và nội dung của quy hoạch môi trường, quy hoạch môi trường trong phát triển kinh tế xã hội.); thực hành thiết kế quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm theo

trình tự (vị trí và đánh giá hiện trạng; lập sơ đồ cơ cấu quy hoạch; quy hoạch chi tiết kiến trúc cảnh quan). ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng trên lớp; Dạy học dựa trên vấn đề; Giải quyết tình huống; Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến; Dạy trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 10%; Thực hành – 20%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94070. Bản đồ địa chính (Cadastral map). (4TC: 2 – 2 - 107 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm những nội dung sau: Khái quát về địa chính và bản đồ địa chính; Cơ sở toán học của bản đồ địa chính; Quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính; Nội dung và nguyên tắc trình bày bản đồ địa chính; Biên tập và thành lập bản đồ địa chính; Khai thác và sử dụng bản đồ địa chính phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai (giải phóng mặt bằng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). *Các bài thực hành:* Bài 1. Xử lý dữ liệu trị đo; Bài 2. Thiết kế hệ thống ký hiệu bản đồ địa chính; Bài 3. Biên tập bản đồ địa chính; Bài 4. Phân mảnh, đánh số hiệu bản đồ địa chính; Bài 5. Tiếp biên bản đồ địa chính; Bài 6. Trích lục hồ sơ kỹ thuật thửa. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết trình; Tổ chức thảo luận; Hướng dẫn làm việc nhóm; Thực hành trong phòng; Dạy học trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 30%; Thi cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94109. Đăng ký thống kê đất đai (Land registration and statistic). (4TC: 2 – 2 - 106 tiết). ***Nội dung:*** Học phần này gồm: Đăng ký đất đai; Cấp giấy chứng nhận; Đăng ký biến động đất đai; Lập và quản lý hồ sơ địa chính; Thống kê đất đai. ***Tên chương:*** Chương 1: Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất; Chương 2: Cấp giấy chứng nhận; Chương 3: Đăng ký biến động về đất và tài sản gắn liền với đất; Chương 4: Lập và quản lý hồ sơ địa chính; Chương 5: Thống kê đất đai. ***Phương pháp giảng dạy:*** Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông; Nghiên cứu tình huống; Dạy học theo dự án; Tham quan thực tế; Đóng vai. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần & Thái độ - 10%; Thực hành & làm việc nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần (vấn đáp) – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94162. Hệ thống thông tin đất đai và bất động sản (Land and Real estate Information System). (5TC: 3 – 2 - 140 tiết). ***Nội dung:*** Học phần gồm các nội dung chính sau: tổng quan về hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin đất đai và bất động sản; quản lý thông tin đất đai và bất động sản; xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản và tính kinh tế của hệ thống thông tin đất đai và bất động sản. Phần thực hành bao gồm

các nội dung: hướng dẫn sử dụng các phần mềm; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và bất động sản; khai thác cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai và bất động sản. ***Tên chương:*** Chương 1: Khái niệm cơ bản về thông tin, hệ thống, hệ thống thông tin; Chương 2: Hệ thống thông tin đất đai và bất động sản; Chương 3: Quản lý thông tin đất đai và bất động sản; Chương 4: Xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản; Chương 5: Tính kinh tế của hệ thống thông tin đất đai và bất động sản. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, hướng dẫn bài tập; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận – 10%; Thực hành – 20%; Thi kết thúc học phần – 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94114. Quản trị bất động sản (Real estate governance). (3TC: 2 – 1 - 90 tiết). ***Nội dung/ Tên chương:*** Học phần này gồm nền tảng quản trị bất động sản; quản trị vận hành bất động sản; quản trị kinh doanh bất động sản; xu hướng và đổi mới trong quản trị kinh doanh bất động sản. Các bài thực hành: Bài 1. Lập phương án quản trị tòa nhà văn phòng cho thuê; Bài 2. Lập phương án quản trị chung cư cao tầng; Bài 3. Lập phương án quản trị bất động sản công nghiệp. ***Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng; Giải quyết vấn đề; Tổ chức thảo luận; Hướng dẫn làm việc nhóm; Dạy trên hệ thống VNUA-LMS. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Thực hành – 30%; Thi cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94116. Thị trường bất động sản (Real estate market). (3TC: 2 – 1 - 90 tiết). ***Nội dung:*** Học phần này gồm các nội dung chính như: Tổng quan về thị trường bất động sản; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ bất động sản; Thị trường bất động sản một số nước trên thế giới; Thị trường bất động sản Việt Nam. ***Tên chương: .Phương pháp giảng dạy:*** Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, tổ chức học tập theo nhóm; Giảng dạy trực tuyến. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần – 10%; Bài tập, thảo luận – 10%; Thực hành – 20%; Đánh giá cuối kỳ - 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Không***; Học phần song hành:*** Không

TM94383. Thực tập nghề nghiệp ngành Quản lý bất động sản Professional internship in real estate management). (10TC:0-10-200 tiết). ***Nội dung***: Thực hiện một số nghiệp vụ tại địa phương, doanh nghiệp như: Chỉnh lý, cập nhập biến động hồ sơ địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai; Xác định loại đô thị, loại đường phố, loại vị trí để điều tra giá đất; xác định giá các thửa đất cụ thể, xây dựng bảng giá đất tại địa phương, xây dựng bản đồ giá đất của địa phương; Tìm hiểu về quy trình môi giới bất động sản tại địa phương,

tìm hiểm hoạt động của sàn giao dịch bất động sản. ***Tên chương:*** Nội dung 1: Chuẩn bị nội dung thực tập; Nội dung 2: Thực hiện các nội dung thực tập nghề nghiệp. ***Phương pháp giảng dạy***: Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành phần mềm; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông, trực tuyến; Hướng dẫn thực tập tại cơ sở. ***Phương pháp đánh giá***: Tham dự TT tại CS: 10%; Đánh giá của CSTT: 20%; Thuyết trình: 20% và Đánh giá báo cáo: 50%

TM94493. Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý bất động sản Thesis of Real Estate Management).(10TC:0-10-200 tiết). ***Nội dung***: Sinh viên thực hiện một trong các hướng đề tài sau: Công tác tài chính đất đai và quản lý thị trường BĐS; Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất; tình hình thực hiện các quyền sử dụng đất; Đánh giá các nội dung quản lý nhà nước về bất động sản; Đánh giá hoạt động quản lý, kinh doanh bất động sản; Tìm hiểu giá bất động sản, các yếu tố ảnh hưởng đến giá bất động sản; Tìm hiểu, đánh giá hoạt động của sàn giao dịch bất động sản, đấu giá đất, bất động sản; đo đạc thành lập, chỉnh lý bản đồ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất; quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất; xây dựng Hệ thống thông tin bất động sản. ***Phương pháp giảng dạy***: Giảng dạy thông qua hướng dẫn; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông. ***Phương pháp đánh giá***: Thuyết trình: 30%; báo cáo KLTN: 70%

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

Chiến lược dạy và học của khoa Tài nguyên và Môi trường hướng đến đáp ứng mục tiêu đào tạo lấy phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng tiếp cận năng lực.

Để trở thành giảng viên của khoa, các ứng viên phải vượt qua các vòng sát hạch bao gồm cả vòng thi về phương pháp dạy học đại học. Tất cả giảng viên phải được tập huấn rất bài bản về phương pháp giảnh dạy, phương thức chuẩn bị đề cương, giáo án, bài giảng; được cung cấp tầm nhìn và sứ mạng của Học viện và khoa, chuẩn đầu ra của chương trình, cũng như mục đích và nội dung chi tiết môn học. Bằng việc chuẩn bị các tác vụ đào tạo trong quá trình giảng dạy, việc đánh giá quá trình giảng dạy và thảo luận phương pháp giảng dạy cho phép các giảng viên lập chiến lược giảng dạy bao gồm mục tiêu giảng dạy, khối lượng kiến thức cơ bản đến các kiến thức cập nhật, các phương pháp giảng dạy và các kỹ thuật cũng như cách sử dụng thiết bị dạy học, các kỹ thuật kiểm soát giờ giảng, các phương pháp đánh giá.

Để giúp sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức, Hội đồng khoa luôn yêu cầu các giảng viên xây dựng chiến lược dạy và học dựa trên các cấp độ tư duy của thang Bloom. Tất cả các khối kiến thức/môn học được giảng dạy bởi Khoa Tài nguyên và Môi trường

được thiết kế bao gồm lý thuyết, thực hành và đồ án. Đa phần các môn học lý thuyết nằm ở cấp độ từ 1 - 3 trên thang bloom, các môn thực hành nằm ở cấp độ 3 và khóa luận tốt nghiệp yêu cầu sinh viên phải đạt được cấp độ 3 trên thang Bloom. Chiến lược dạy và học được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của từng môn học, trong giáo án, bài giảng của giảng viên và được đánh giá, điều chỉnh hàng năm.

Chiến lược dạy và học bao gồm:

1) Học lý thuyết kết hợp với thực hành
2) Thực hành môn học
3) Đồ án môn học
4) Khuyến khích tự học và làm việc nhóm

Vai trò của giảng viên là người cố vấn giúp sinh viên tiếp nhận và xây dựng kiến thức qua bài giảng và các hoạt động học tập trong và ngoài lớp. Khoa khuyến khích giảng viên phát triển các nội dung giảng dạy môn học dưới dạng giao các chuyên đề, tiểu luận, dự án tổ hợp gắn với nội dung giảng dạy. Khoa khuyến khích sinh viên NCKH, tổ chức các câu lạc bộ hướng nghiệp hay thường xuyên tổ chức các cuộc thi nhằm tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng tối đa các kiến thức được học. Việc bám sát thang tư duy của bloom trong quá trình xây dựng chiến lược dạy và học cũng như phương pháp đánh giá cho phép sinh viên hiểu được và vận dụng được khối kiến thức đã được đào tạo. Chiến lược này bao gồm các chiến lược dạy học tích cực được áp dụng cho các môn học lý thuyết, các môn học dựa trên thực hành, các môn dựa trên dự án và các môn học dựa trên thực tế.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

• Các môn học cơ bản và cơ sở được đánh giá bằng cách trả lời các câu hỏi ngắn, thuyết trình, vấn đáp và thi viết;

• Các môn học thực hành và tiểu luận chuyên đề được đánh giá qua kỹ năng thực hành, chuẩn bị bài thuyết trình theo chủ đề;

• Đối với các môn học chuyên ngành, đánh giá sinh viên thông qua việc thực hiện các dự án bằng các rubric.

• Đối với khóa luận tốt nghiệp, sinh viên báo cáo kết quả thực hiện trước Hội đồng và được đánh giá tổng hợp các khía cạnh: nội dung báo cáo, hình thức trình bày, phong cách, thái độ và các cách trả lời các câu hỏi …

9. Thang điểm, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

Thang điểm 10 đối với các học phần, sau đó qui đổi thành thang điểm 4

Thang điểm quy đổi đối với học phần:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/ không đạt	Xếp loại kết quả học tập
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 – 10	A	4,0	Đạt	Giỏi
2	Từ 8,0 – 8,4	B+	3,5	Đạt	Khá
3	Từ 7,0 – 7,9	B	3,0	Đạt	Khá
4	Từ 6,5 – 6,9	C+	2,5	Đạt	Trung bình
5	Từ 5,5 – 6,4	C	2,0	Đạt	Trung bình
6	Từ 5,0 – 5,4	D+	1,5	Đạt	Trung bình kém
7	Từ 4,0 – 4,9	D	1,0	Đạt	Trung bình kém
8	Dưới 4,0	F	0	Không đạt	Kém

Thang điểm xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp
1	3,60 – 4,00	Xuất sắc
2	3,20 - 3,59	Giỏi
3	2,50 - 3,19	Khá
4	2,00 - 2,49	Trung bình
5	< 2,00	Không đạt

Quy trình đào tạo: Sinh viên tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT với 55 tín chỉ đại cương, 60 tín chỉ cơ sở và cốt lõi ngành (47 tín chỉ bắt buộc, 13 tín chỉ tự chọn), 10 tín chỉ thực tập nghề nghiệp và 10 tín chỉ khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên hoàn thành các chứng chỉ với 04 tín chỉ giáo dục thể chất, 11 tín chỉ giáo dục quốc phòng, 06 tín chỉ kỹ năng mềm và đạt Chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ. Các học phần được sắp xếp trong 08 học kì, tương đương 4 năm.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp khi tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu hoặc tương đương; có chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh (điểm của học phần về thể chất và giáo dục

quốc phòng không tính vào điểm tích lũy chung); có chứng chỉ kỹ năng mềm; hoàn thành bản thanh toán ra trường và nghĩa vụ lao động sinh viên; có đơn gửi Ban Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

(*Theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-HVN, ngày 29 tháng 4 năm 2021:*
https://file.vnua.edu.vn/data/0/documents/2021/11/30/host/qd2021-29-04-2021.pdf)

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

KT. TRƯỞNG KHOA **PHÓ TRƯỞNG KHOA**	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
PGS.TS. TRẦN QUỐC VINH	**GS.TS. PHẠM VĂN CƯỜNG**

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Bảng 1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học *(Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính…)*	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ			Các học phần về Khoa học chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ và các HP chung của HV		
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	58	8.273			Toàn học viện
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	101	9.298			Toàn học viện
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	9	278			Toàn học viện
1.5	Số phòng học đa phương tiện					
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
2	Thư viện, trung tâm học liệu			Tất cả các hợp phần		
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	219	12.745	Các học phần cơ sở và cốt lõi của ngành		Toàn học viện

Bảng 2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	2021	1	KHD và DDCT				
2	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	2021	1	KHD và DDCT				
3	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử	2021	1	KHD và DDCT				
4	Tủ lạnh	2021	2	KHD và DDCT				
5	Tủ sấy	2021	1	KHD và DDCT				
6	Tủ sấy	2021	1	KHD và DDCT				
7	Máy hút ẩm	2021	1	KHD và DDCT				
8	Máy cất nước 1 lần	2021	2	KHD và DDCT				
9	Quang kế ngọn lửa	2021	1	KHD và DDCT				
10	Bộ chưng cất đạm bán tự động	2021	1	KHD và DDCT				
11	Máy lắc tròn	2021	2	KHD và DDCT				
12	Máy đo pH, độ dẫn điện cầm tay	2021	2	KHD và DDCT				
13	Máy ly tâm	2021	1	KHD và DDCT				
14	Cân kĩ thuật	2021	4	KHD và DDCT				
15	Máy khuấy từ gia nhiệt	2021	2	KHD và DDCT				
16	Cân phân tích (Analytical Balance)	2021	3	KHD và DDCT				
17	Máy đo hàm lượng diệp lục	2021	1	QLTN				
18	Máy đo pH, độ dẫn điện cầm tay	2021	2	QLTN				
19	Cân kĩ thuật	2021	2	QLTN				
20	Máy hút ẩm	2021	1	QLTN				
21	Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy	2021	1	QLTN				
22	Tủ sấy	2021	1	QLTN				
23	Bộ đo bốc hơi	2021	1	QLTN				
24	Bộ dụng cụ lấy mẫu nước nằm ngang	2021	1	QLTN				

25	Trạm quan trắc thời tiết	2021	1	QLTN				
26	Máy tính OptiPlex 3080	2021	60	HTTTTNMT				
27	Máy chiếu Panasonic PT-VW360	2021	1	HTTTTNMT				
28	Máy chiếu	2024	1	HTTTTNMT				
29	Phần mềm G-Cadas	2021	25	HTTTTNMT				
30	Máy toàn đạc điện tử TOPCON, GM-52	2021	11	TĐ - BĐ				
31	Máy kinh vĩ điện tử TOPCON, DT-309GL	2021	14	TĐ - BĐ				
32	Máy GPS 2 tần ComNav,T300 Plus GNSS Receiver	2021	1	TĐ - BĐ				
33	Máy thuỷ chuẩn điện tử Geomax, ZDL700	2021	2	TĐ - BĐ				
34	Máy GPS cầm tay (Garmin,GPSMAP 64s)	2021	24	TĐ - BĐ				
35	Máy tính bàn	2022	3	VPK				
36	Máy tính xách tay	2022	1	VPK				
37	Máy tính để bàn	2024	1	VPK				
38	Máy chiếu	2024	1	VPK				
39	Thiết bị chuyển mạch L3 S3230-54TXF-AC	2024	3	VPK				
40	Máy ảnh	2021	1	VPK				

PHỤ LỤC 2. SÁCH, GIÁO TRÌNH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	XH91001	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương	Vũ Văn Tuấn.	Học viện Nông nghiệp, 2024, Việt Nam
			Bài giảng pháp luật đại cương : Lưu hành nội bộ	Vũ Văn Tuấn (ch.b.), Đỗ Thị Kim Hương, Nguyễn Thị Minh Hạnh, Lê Thị Yến, Trịnh thị Ngọc Anh,...	Học viện Nông nghiệp, 2024, Việt Nam
2	XH91047	Triết học Mac - Lenin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam
3	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bài giảng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Phạm Quang Dũng (ch.b.), Vũ Thị Hà Lan, Phan Trọng Tiến...	Nxb. Học viện Nông nghiệp, 2025, Việt Nam
4	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam
5	DN91034	Tiếng Anh 1	Speakout 3rd Edition A2 Student's book	Eales, F., & Oakes, S.	Pearson Education, 2022
6	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam
7	DN91035	Tiếng anh 2	Speakout (3rd Edition) B1 Student's Book	Antonia C. & JJ W.	Pearson Education Limited, 2022
8	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam
9	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam
10	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Giáo trình Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp	Lê Thị Kim Oanh và Đào Hồng Vân	NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2024
11	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Bài giảng tâm lý học và giao tiếp cộng đồng / : Tài liệu sử dụng nội bộ	Nguyễn Tất Thắng (ch.b.), Trần Thị Hà Nghĩa, Nguyễn Huyền Thương,...[và các tác giả khác].	Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2025, Việt Nam.
12	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	Bài giảng thương mại và hội nhập quốc tế : Tài liệu sử dụng nội bộ	Trần Thị Thu Hương (ch.b.), Bùi Hồng Quý, Trần Hữu Cường...	Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2025, Việt Nam

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
			Thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Nguyễn Đức Hải	VNU Journal of Economics and Business, 2023
			Thanh toán thương mại quốc tế: Bài học từ những rủi ro	Phạm Thị Thanh Lê	2022, Việt Nam
			Lợi thế so sánh và cấu trúc xuất khẩu nông sản của Việt Nam dưới bối cảnh hội nhập thương mại quốc tế	Huỳnh Ngọc Chương, Đinh Thị Nguyệt Ánh, Nguyễn Thị Phương, Trần Cao Quý, Nguyễn Quang Vinh, Bùi Minh Hằng	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Kinh tế-Luật và Quản lý, 2021, Việt Nam
			Tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam	Hà Thành Công	2019, Việt Nam
13	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Modern Concept in Agriculture	Satvaan Singh, Kushal Sachan, Khursheed Alam and Amit Kumar	AkiNik Publications, 2022, India
			Bài giảng Nông nghiệp hiện đại	Chu Anh Tiệp, Vũ Ngọc Thắng, Đinh Thái Hoàng, Bùi Thế Khuynh, Nguyễn Văn Lộc, Lê Thị Tuyết Châm, Nguyễn Thanh Tuấn, Hoàng Xuân Anh, Trần Thị Thiêm, Thiều Thị Phong Thu, Nguyễn Mai Thơm, Nguyễn Thị Loan, Vũ Duy Hoàng, Nguyễn Thị Vinh, Hà Xuân Bộ, Dương Thu Hương, Đinh Trường Sơn, Nguyễn Văn Giang, Trần Thị Bình Nguyên, Nguyễn Quốc Trung, Nguyễn Thị Thuý Hạnh	Học viện Nông nghiệp, 2025, Việt Nam
			"Precision Farming in Modern Agriculture". In book: "Smart Agriculture Automation Using Advanced Technologies".	E. Fantin Irudaya Raj, M. Appadurai & K. Athiappan	Springer, 2021

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
			Giáo trình Canh tác học	Trần Thị Thiêm, Chu Anh Tiệp, Nguyễn Thị Loan, Vũ Duy Hoàng, Thiều Thị Phong Thu, Nguyễn Mai Thơm	NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2023
14	TM91012	Sinh thái và môi trường	Giáo trình Sinh thái môi trường	Trần Đức Viên , Ngô Thế Ân, Nguyễn Đình Thi, Dương Thị Huyền, Nguyễn Tuyết Lan	NXB Học viện NNVN, 2024, Việt Nam
			Giáo trình Môi trường và con người	Nguyễn Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Thị Bích Hà	NXB Học viện NNVN, 2024, Việt Nam
15	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	Bài giảng Tổ chức và Quản lý kinh tế	Đỗ Kim Chung, Lưu Văn Duy	Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp, 2025, Việt Nam
			Giáo trình Kinh tế hộ nông dân	Đỗ Kim Chung, Lưu Văn Duy	Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp, 2023, Việt Nam
			Giáo trình Kinh tế nông nghiệp	Đỗ Kim Chung	Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp, 2021, Việt Nam
			Tổ chức công tác khuyến nông	Đỗ Kim Chung	Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp, 2021, Việt Nam
			Giáo trình kinh tế nông thôn	Lưu Văn Duy, Nguyễn Viết Đăng, Nguyễn Phượng Lê, Lê Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thiêm, Nguyễn Thanh Phong, Phạm Thị Thanh Thúy	Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp, 2022, Việt Nam
16	TM92069	Bản đồ học	Giáo trình Bản đồ học	Trần Trọng Phương	NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2013, Việt Nam
17	TM92068	Trắc địa	Giáo trình trắc địa	Phan Văn Khuê (ch.b), Nguyễn Thị Thu Hiền (ch.b.), Nguyễn Đức Lộc.	Nxb. Học viện Nông nghiệp, 2025, Việt Nam
18	TM92145	Xây dựng dự án nghiên cứu TNMT	Phương pháp nghiên cứu khoa học (tái bản)	Nguyễn Tuấn Anh, Bùi Mạnh Hùng, Lê Thị Minh Phương	NXB Xây dựng, 2024, Việt Nam
19	TM93160	Hệ thống thông tin địa lý	Giáo trình Hệ thống thông tin địa lý	Lê Thị Giang	NXB Học viện Nông nghiệp, 2021, Việt Nam

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
			Giáo trình thực hành Hệ thống thông tin địa lý	Lê Thị Giang	NXB Nông nghiệp, 2016, Việt Nam
20	TM94129	Quy hoạch sử dụng đất	Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất	Đoàn Công Quỳ và cs.	NXB Nông nghiệp, 2006, Việt Nam
			Ứng dụng chuyển đổi số trong Quy hoạch sử dụng đất	Nguyễn Quang Học	NXB Học viện Nông Nghiệp, 2025, Việt Nam
			Quy hoạch sử dụng đất	PGS. TS. Chu Văn Thỉnh, TS. Nguyễn Đình Bồng, PGS. TS. Nguyễn Quang Học,...và các tác giả khác.	Nxb Tài nguyên môi trường và bản đồ Việt Nam, 2020, Việt Nam
21	TM93107	Quản lý nhà nước về đất đai	Bài giảng Quản lý Nhà nước về đất đai		2024
22	TM94130	Đồ án quy hoạch	Giáo trình Quy hoạch môi trường	Nguyễn Thị Vòng, Nguyễn Quang Học, Đỗ Thị Tám và Đỗ Văn Nhạ	Nhà xuất bản đại học Nông nghiệp, 2016, Việt Nam
			Giáo trình Quy hoạch cảnh quan	Đỗ Văn Nhạ, Nguyễn Quang Học và Quyền Thị Lan Phương	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2021, Việt Nam
23	TM94119	Chính sách quản lý bất động sản	Bài giảng Chính sách quản lý bất động sản	Phạm Phương Nam	2024
24	TM94110	Định giá bất động sản	Bài giảng Định giá bất động sản	Nguyễn Văn Quân, Bùi Nguyên Hạnh	2024
25	TM94108	Đàm phán trong kinh doanh BĐS	Bài giảng Đàm phán trong kinh doanh bất động sản.	Nguyễn Văn Quân, Phạm Phương Nam	2024
26	TM94135	Phong thuỷ trong kinh doanh bất động sản	Bài giảng Phong thủy trong kinh doanh bất động sản	Đỗ Thị Tám	2024
27	TM94117	Thuế bất động sản	Giáo trình Thuế bất động sản	Nguyễn Văn Quân, Bùi Nguyên Hạnh	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2024, Việt Nam
28	TM94070	Bản đồ địa chính	Giáo trình Bản đồ địa chính	Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung	NXB Nông nghiệp, 2020, Việt Nam
29	TM94109	Đăng ký thống kê đất đai	Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai	Đỗ Thị Đức Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hương, Vũ Thanh Biên	2024

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
30	TM94162	Hệ thống thông tin đất đai và BĐS	Bài giảng Hệ thống thông tin đất và bất động sản	Phạm Văn Vân	2024
31	TM94114	Quản trị Bất động sản	Bài giảng Quản trị bất động sản	Phạm Phương Nam	2024
32	TM94116	Thị trường Bất động sản	Giáo trình Thị trường bất động sản	Phan Thị Thanh Huyền, Nguyễn Văn Quân, Phạm Phương Nam, Bùi Lê Vinh, Vũ Thanh Biển	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022
33	TM94163	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Bài giảng tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Nguyễn Đức Thuận	Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2025, Việt Nam
			Giáo trình Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Trần Quốc Vinh	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2016, Việt Nam
34	TM94055	Quản lý môi trường	Giáo trình Quản lý tài nguyên và môi trường	Đinh Đức Trường, Nguyễn Công Thành, Ngô Thanh Mai	NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, 2023, Việt Nam
			Giáo trình Luật hành chính Việt Nam	Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Minh Hà	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2023, Việt Nam
35	TM94131	Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường	Quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn	Vũ Thị Bình, Nguyễn Quang Học, Quyền Thị Lan Phương	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2008, Việt Nam
			Quy hoạch phát triển nông thôn	Vũ Thị Bình và cộng sự	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2006, Việt Nam
			Quy hoạch môi trường	Nguyễn Thị Vòng và cộng sự	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2015, Việt Nam
			Quy hoạch cảnh quan	Đỗ Văn Nhạ, Quyền Thị Lan Phương, Nguyễn Quang Học	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021
36	TM94071	Bản đồ địa hình	Bài giảng bản đồ địa hình	Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung	NXB Học viện Nông nghiệp Hà Nội, 2023, Việt Nam
			Giáo trình Bản đồ địa hình	Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung	NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2016, Việt Nam
37	TM94164	Viễn thám	Bài giảng viễn thám	Trần Quốc Vinh, Nguyễn Đức Thuận	2024, Việt Nam

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
			Giáo trình Viễn thám	Nguyễn Khắc Thời và nnk	NXB Nông nghiệp, 2012, Việt Nam
38	TM94132	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Giáo trình Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Nguyễn Thị Vòng và nnk	NXB Nông nghiệp, 2008, Việt Nam
39	TM94118	Tư vấn đầu tư bất động sản	Bài giảng Tư vấn đầu tư bất động sản	Bùi Nguyên Hạnh, Nguyễn Văn Quân, Phan Thị Thanh Huyền	2022
40	TM94112	Giao đất, thu hồi đất	Giáo trình Giao đất, thu hồi đất	Phan Thị Thanh Huyền, Phạm Phương Nam, Ngô Thị Hà	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020
41	TM94113	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Giáo trình Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Phạm Phương Nam, Phan Thị Thanh Huyền, Bùi Lê Vinh, Ngô Thị Hà	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021
42	TM94073	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	Ứng dụng tư liệu máy bay không người lái UAV trong trắc địa bản đồ	Trần Trung Anh	Đại học Mỏ địa chất, 2023, Việt Nam
43	TM94383	Thực tập Nghề nghiệp ngành Quản lý Bất động sản	Giáo trình Thuế bất động sản	Nguyễn Văn Quân, Bùi Nguyên Hạnh	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2024, Việt Nam
			Giáo trình Thị trường bất động sản	Phan Thị Thanh Huyền, Nguyễn Văn Quân, Phạm Phương Nam, Bùi Lê Vinh, Vũ Thanh Biển	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022
			Giáo trình Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Phạm Phương Nam, Phan Thị Thanh Huyền, Bùi Lê Vinh, Ngô Thị Hà	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021
			Giáo trình Bản đồ địa chính	Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung	NXB Nông nghiệp, 2020, Việt Nam

PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã HP	Tên học phần	Đơn vị phụ trách	Giảng viên phụ trách			
				Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
1	XH91001	Pháp luật đại cương	Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Minh Hạnh	01/10/1981	Tiến sĩ	Nhật Bản
2	XH91047	Triết học Mac - Lenin	Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Đắc Dũng	08/05/1976	Tiến sĩ	Việt Nam
3	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Quang Dũng	08/04/1980	Tiến sĩ	Rumani
4	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Khoa Khoa học xã hội	Lê Thị Kim Thanh	10/03/1974	Thạc sĩ	Việt Nam
5	DN91034	Tiếng Anh 1	Khoa Du lịch và Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Hường	06/10/1990	Thạc sĩ	Việt Nam
6	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Sơn	09/09/1983	Thạc sĩ	Việt Nam
7	DN91035	Tiếng anh 2	Khoa Du lịch và Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Ngọc Thu	12/10/1986	Thạc sĩ	Việt Nam
8	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Khoa Khoa học xã hội	Lê Thị Dung	01/09/1990	Thạc sĩ	Việt Nam
9	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa Khoa học xã hội	Trần Thị Mai	24/04/1976	Thạc sĩ	Việt Nam
10	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Khoa Kế toán & QTKD	Phạm Thị Hương Dịu	03/11/1978	Tiến sĩ	Đức
11	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Khoa Du lịch và Ngoại ngữ	Trần Thị Hà Nghĩa	27/10/1975	Thạc sĩ	Việt Nam
12	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	Khoa Kế toán & QTKD	Trần Hữu Cường	05/01/1962	Tiến sĩ	Đức
13	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Khoa Nông học	Thiều Thị Phong Thu	21/05/1984	Tiến sĩ	Nhật Bản
14	TM91012	Sinh thái và môi trường	BM Sinh thái nông nghiệp, khoa TN&MT	Ngô Thế Ân	28/01/1972	Tiến sĩ	Vương quốc Anh
15	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	Khoa Kinh tế & PTNT	Lưu Văn Duy	04/01/1986	Tiến sĩ	Nhật Bản

TT	Mã HP	Tên học phần	Đơn vị phụ trách	Giảng viên phụ trách			
				Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
16	TM92069	Bản đồ học	Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Trần Trọng Phương	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
17	TM92068	Trắc địa	Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Phan Văn Khuê	1977	Tiến sĩ	Việt Nam
18	TM92145	Xây dựng dự án nghiên cứu TNMT	Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Trần Trọng Phương	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
19	TM93160	Hệ thống thông tin địa lý	Bộ môn Hệ thống thông tin TNMT, khoa TN&MT	Lê Thị Giang	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
20	TM94129	Quy hoạch sử dụng đất	Bộ môn Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Quang Học	03/12/1961	Tiến sĩ	Việt Nam
21	TM93107	Quản lý nhà nước về đất đai	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Thị Đức Hạnh	20/01/1973	Tiến sĩ	Việt Nam
22	TM94130	Đồ án quy hoạch	Bộ môn Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Tuấn Anh	1978	Thạc sĩ	Việt Nam
23	TM94119	Chính sách quản lý bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Phạm Phương Nam	1966	Tiến sĩ	Bungari
24	TM94110	Định giá bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Văn Quân	1972	Tiến sĩ	Việt Nam
25	TM94108	Đàm phán trong kinh doanh BĐS	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Phạm Phương Nam	1966	Tiến sĩ	Bungari

TT	Mã HP	Tên học phần	Đơn vị phụ trách	Giảng viên phụ trách			
				Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
26	TM94135	Phong thuỷ trong kinh doanh bất động sản	Bộ môn Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Thị Tám	1974	Tiến sĩ	Philippin
27	TM94117	Thuế bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Văn Quân	1972	Tiến sĩ	Việt Nam
28	TM94070	Bản đồ địa chính	Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Trần Trọng Phương	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
29	TM94109	Đăng ký thống kê đất đai	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Thị Đức Hạnh	20/01/1973	Tiến sĩ	Việt Nam
30	TM94162	Hệ thống thông tin đất đai và BĐS	Bộ môn Hệ thống thông tin TNMT, khoa TN&MT	Phạm Văn Vân	20/03/1972	Tiến sĩ	Việt Nam
31	TM94114	Quản trị Bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Phạm Phương Nam	1966	Tiến sĩ	Bungari
32	TM94116	Thị trường Bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Phạm Phương Nam	1966	Tiến sĩ	Bungari
33	TM94163	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Bộ môn Hệ thống thông tin TNMT, khoa TN&MT	Trần Quốc Vinh	15/03/1972	Tiến sĩ	Việt Nam
34	TM94055	Quản lý môi trường	Bộ môn Quản lý môi trường, khoa TN&MT	Đinh Thị Hải Vân	1975	Tiến sĩ	Nhật Bản
35	TM94131	Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường	Bộ môn Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Văn Nhạ	1973	Tiến sĩ	Đức
36	TM94071	Bản đồ địa hình	Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Trần Trọng Phương	1973	Tiến sĩ	Việt Nam

TT	Mã HP	Tên học phần	Đơn vị phụ trách	Giảng viên phụ trách			
				Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
37	TM94164	Viễn thám	Bộ môn Hệ thống thông tin TNMT	Trần Quốc Vinh	15/03/1972	Tiến sĩ	Việt Nam
38	TM94132	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Bộ môn Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Văn Nhạ	1973	Tiến sĩ	Đức
39	TM94118	Tư vấn đầu tư bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Văn Quân	1972	Tiến sĩ	Việt Nam
40	TM94112	Giao đất thu hồi đất	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Thị Đức Hạnh	20/01/1973	Tiến sĩ	Việt Nam
41	TM94113	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Bùi Lê Vinh	1980	Tiến sĩ	Đức
42	TM94073	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Nguyễn Thị Thu Hiền	1980	Tiến sĩ	Việt Nam
43	TM94383	Thực tập Nghề nghiệp ngành Quản lý Bất động sản	Văn phòng khoa TN&MT	Giảng viên các bộ môn			
44	TM94493	Khóa luận tốt nghiệp ngành QLBĐS	Văn phòng khoa TN&MT	Giảng viên các bộ môn			

PHỤ LỤC 4
MA TRẬN GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

Ký hiệu	Mục tiêu của CTĐT	Kiến thức chung			Kiến thức chung cho nhóm ngành			Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn		Tự chủ và trách nhiệm			
		PLO1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.			**PLO2:** Áp dụng kiến thức để xây dựng dự án nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất			**PLO3:** Phân tích các hoạt động quản lý và kinh doanh bất động sản để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.		**PLO4:** Đề xuất giải pháp quản lý và kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.		CĐR5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quản lý bất động sản.			**PLO6:** Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý bất động sản.		**PLO7:** Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực bất động sản		**PLO8:** Thể hiện ý thức học tập suốt đời, tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	
		PI1.1	PI 1.2	PI1.3	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2
PO1	Nắm vững kiến thức chuyên môn, vận dụng hiệu quả các nguyên lý khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong việc phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Quản lý bất động sản;	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X									
PO2	Thể hiện năng lực sáng tạo và khả năng ứng dụng thiết bị hiện đại, công nghệ số, các nghiệp vụ hành chính để giải quyết các vấn đề thực tiễn ở các vị trí việc làm khác nhau trong lĩnh vực Quản lý bất động sản và các lĩnh vực liên quan.											X	X	X	X	X				
PO3	Có phẩm chất chính trị vững vàng; có lòng đam mê và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng tự học tự nghiên cứu, năng động, sáng tạo; có tinh thần khởi nghiệp nhằm đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành và sự phát triển bền vững của Việt Nam.																X	X	X	X

PHỤ LỤC 5
ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
I	**KIẾN THỨC**	Nước: Vương quốc Anh	Nước: Hi lạp	Nước:
1.1	**Kiến thức chung**	Website: https://www.ucem.ac.uk/bsc-real-estate-management/	Website: https://www.nup.ac.cy/bsc-in-real-estate-valuation-and-development/	Website: https://sta.uwi.edu/eng/geomatics/land-management
	PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.	- Nhận ra các nguyên tắc cơ bản làm nền tảng cho lý thuyết và thực tiễn của các ngành công nghiệp bất động sản và xây dựng. - Hiểu các lĩnh vực pháp luật ảnh hưởng đến môi trường xây dựng.	- Hiểu biết đầy đủ về khung pháp lý và luật cụ thể áp dụng cho quyền sở hữu và giao dịch bất động sản	Mô tả cách nền kinh tế nói chung và thị trường đất đai nói riêng, tác động đến giá trị đất đai và bất động sản và các phương pháp định giá khác nhau được áp dụng như thế nào trong các trường hợp khác nhau.
1.2	**Kiến thức chung cho nhóm ngành**			
	PLO2: Áp dụng kiến thức để xây dựng dự án nghiên cứu trong lĩnh vực môi trường và bảo vệ môi trường	- Kiểm tra các phương pháp và kỹ thuật được sử dụng trong định giá tài sản cho các mục đích khác nhau. - Giải thích các nguyên tắc cơ bản của xây dựng tài sản và các công nghệ liên quan.	Nắm vững phương pháp định giá truyền thống và hiện đại. Mỗi phương pháp được kiểm tra từ cả góc độ lý thuyết và thực tiễn vì nó liên quan đến thị trường bất động sản.	- Áp dụng các nguyên tắc đo đạc không gian và các công nghệ, phương pháp luận hiện đại để xác định đầu vào cho công tác khảo sát định giá - Xây dựng các vấn đề được xác định thành các dự án và báo cáo được xác định rõ.

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
1.3	**Kiến thức chuyên môn**			
	PLO3: Phân tích các hoạt động quản lý và kinh doanh bất động sản để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	- Đánh giá nghiêm túc các lý thuyết và kỹ thuật được sử dụng trong việc định giá, phát triển và quản lý bất động sản. - Đánh giá nghiêm túc các phương pháp nghiên cứu và chứng minh sự tổng hợp của một loạt dữ liệu trong một cuộc điều tra nghiên cứu.- Liên quan đến các vấn đề môi trường và bền vững với các ngành công nghiệp bất động sản và xây dựng. Thu thập, phân tích và đánh giá phê bình dữ liệu và đánh giá mức độ liên quan và hợp lệ của nó đối với một loạt các tình huống bất động sản. - Xác định định giá và nói rõ mục đích của nó.	- Nắm vững kiến thức và phương pháp định giá truyền thống và hiện đại. Mỗi phương pháp được kiểm tra từ cả góc độ lý thuyết và thực tiễn vì nó liên quan đến thị trường bất động sản.	Áp dụng các thủ tục định giá và lợi ích chi phí, tính toán và phân tích để hỗ trợ việc ra quyết định kinh tế liên quan đến đất đai và tài sản.
	PLO4: Đề xuất giải pháp quản lý và kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.	- Đánh giá quan trọng các kỹ thuật và phương pháp hiện có được sử dụng trong bối cảnh chuyên nghiệp. - Nghiên cứu, đánh giá phản biện các chiến lược trong lĩnh vực Bất động sản và đề xuất các giải pháp phù hợp. - Lựa chọn và áp dụng công nghệ và các công cụ phân tích quyết định để giải	- Kiến thức chuyên sâu về khung lý thuyết và phương pháp được sử dụng quốc tế để phân tích khoa học về thị trường bất động sản địa phương và quốc gia, danh mục đầu tư bất động sản và đầu tư bất động sản cá nhân	- Đánh giá, tổng hợp chính sách quản lý bất động sản và phát triển kinh tế phục vụ phát triển công và tư. - Đánh giá và tổng hợp vai trò của các hệ thống thông tin định giá đất đai, chẳng hạn như địa chính tài chính, trong việc tối ưu hóa hiệu quả kinh tế, đồng thời duy trì phân bổ và phân phối đất đai công bằng xã hội.

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
		quyết các vấn đề phức tạp và cung cấp lời khuyên chuyên nghiệp. - Phác thảo các khung và hệ thống đạo đức, quản lý, pháp lý và quy định tác động đến ngành bất động sản và xây dựng. - Xử lý và giải thích dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau.		
II	**KỸ NĂNG**			
2.1	**Kỹ năng chung**			
	PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quản lý bất động sản.	- Chứng minh các phương pháp truyền đạt thông tin khác nhau. - Giao tiếp và cộng tác hiệu quả bằng cách sử dụng một loạt các phương tiện truyền thông. - Thể hiện sự phát triển của các kỹ năng viết, số và giao tiếp. - Sản xuất báo cáo và tài liệu tiếp thị cho các mục đích khác nhau với chất lượng mong đợi cho các mục đích chuyên nghiệp. - Tương tác hiệu quả với những người khác. - Nhận biết việc sử dụng công nghệ trong môi trường xây dựng.	Sử dụng những kỹ năng phân tích và tư duy phê phán vào phát triển nghề nghiệp	- Thể hiện năng lực về kỹ năng giao tiếp bằng văn bản và bằng miệng. - Áp dụng các kỹ năng số và lý luận để xem xét quan trọng các phương pháp tiếp cận khác nhau.

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
		- Minh họa sự hiểu biết về sự phát triển và sử dụng các kỹ năng kỹ thuật số. - Truyền đạt hiệu quả và chuyên nghiệp các kết quả nghiên cứu và phân tích và sự liên quan của nó trong một loạt các phương tiện cho cả các bên liên quan trong ngành và học thuật.		
2.2	**Kỹ năng chuyên môn**			
	PLO6: Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý bất động sản.	- Áp dụng một loạt các phương pháp để giải quyết vấn đề. - Mô tả tác động của tính bền vững đối với các tòa nhà hiện có và mới. - Giải thích quá trình định giá liên quan đến bất động sản bán lẻ. - Chứng minh phương pháp định giá có thể so sánh liên quan đến bất động sản nhà ở. - Xác định và áp dụng các kỹ thuật và phương pháp thích hợp cho các tình huống khác nhau. - Thảo luận về tầm quan trọng của các tiêu chí pháp lý về môi trường, xã hội và quản trị đối với thực tiễn nghề nghiệp.	- Sử dụng thành thạo kỹ thuật cơ bản để ước tính chi phí, đánh giá, vận hành và quản lý một dự án phát triển bất động sản.	- Xây dựng các vấn đề được xác định thành các dự án và báo cáo được xác định rõ.
III	**TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM**			

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
III.1	**PLO7**: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực bất động sản.	- Phát triển và lập kế hoạch học tập cá nhân để đạt được kết quả thành công. - Phát triển nhận thức và hiểu biết có hệ thống về các vấn đề trong môi trường kinh doanh rộng lớn hơn bao gồm các ảnh hưởng chính trị, kinh tế, pháp lý, xã hội, công nghệ, văn hóa, đạo đức, sức khỏe và an toàn, tính bền vững và toàn cầu mà các công ty tư vấn bất động sản và khách hàng của họ hoạt động. - Công nhận và nhận xét về các yêu cầu và tiêu chuẩn đạo đức liên quan đến nội dung mô-đun. - Làm việc độc lập và quản lý thời gian hiệu quả. - Xác định và giải quyết các vấn đề trong các tình huống được hướng dẫn. - Thảo luận về sự cần thiết của quy định định giá. - Xác định và giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định thông qua tư duy phản xạ và phân tích.	- Sử dụng thành thạo cao các quy tắc ứng xử chuyên nghiệp và nhạy cảm với nhu cầu của xã hội	- Giải quyết các vấn đề phức tạp và đưa ra quyết định trong các tình huống mới. - Thực hiện nghiên cứu độc lập và nhóm, áp dụng các lý thuyết, khái niệm và nguyên tắc đã biết.
III.2	**PLO8:** Thể hiện ý thức học tập suốt đời, tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	- Xác định các nguyên tắc bền vững có thể được áp dụng ở đâu và như thế nào, từ đó xem xét các cơ hội và hạn chế bền vững rộng lớn hơn.		

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
		- Thể hiện năng lực trong việc áp dụng kinh nghiệm học tập vào các tình huống bất động sản thực tế. - Phát triển thái độ và kỹ năng ứng dụng để đưa ra quyết định sáng suốt phản ánh sự quan tâm, quan tâm và trách nhiệm đối với bản thân, đối với người khác và môi trường, hiện tại và trong tương lai.		